

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quân;

Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1990; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số a, ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tân X, sinh năm 1985; Vắng mặt

Địa chỉ: Số a, ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà L và ông X chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo vào năm 2008. Việc chung sống, kết hôn là do bà L và ông X hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng bà L chung sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, ông X không có quan tâm đến gia đình, con cái, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Tân X.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông X có hai con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/9/2007 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 01/7/2012. Hiện nay các con chung đang sống cùng bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do nguyên đơn bà L phải đi làm, không thể có mặt tham gia phiên tòa nên bà L có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Tân X đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông X. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông X vắng mặt không có lý do. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà L, ông X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L được ly hôn với ông X. Về con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/9/2007 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 01/7/2012 hiện nay đang sống cùng nguyên đơn, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bà L nên đề nghị HĐXX giao các con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/9/2007 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 01/7/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Tân X có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại ấp Bn, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tân X, đây là lần thứ hai ông X vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Bùi Thị L và bị đơn ông Nguyễn Tân X tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà L và ông X đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký

kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt, thể hiện ông không có thiện chí mong muốn hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 01/02/2019 tại địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú thì vợ chồng bà L, ông X thường hay cãi nhau, bà L và ông X đã sống ly thân được gần 01 năm. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tân X.

[3] Về con chung: Bà L và ông X có hai con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/9/2007 (giấy khai sinh số 43, quyển số 01/2008) và Nguyễn Thế B, sinh ngày 01/7/2012 (giấy khai sinh số 272, quyển số 2/2002), đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Hiện nay cháu N và cháu B đang sống cùng bà L, cuộc sống ổn định, các cháu đều đang đi học. Cháu N có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông X không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cháu Nguyễn Thành N và Nguyễn Thế B, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao các cháu Nguyễn Thành N và Nguyễn Thế B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 246, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Bùi Thị L đối với bị đơn Ông Nguyễn Tân X về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.
2. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L được ly hôn với Ông Nguyễn Tân X.

3. Về con chung:

Bà Bùi Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/9/2007 và Nguyễn Thế B, sinh ngày 01/7/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Bùi Thị L không yêu cầu Ông Nguyễn Tân X phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026052 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang